

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG  
CÔNG NGHỆ - NĂNG LƯỢNG  
KHÁNH HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH HỌP XÉT TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - KHÓA 25 , NĂM HỌC 2025 - 2026 (đợt 1)**

(Kèm theo Biên bản họp xét ngày 29/7/2025 của Hội đồng tuyển sinh)

| TT | Mã hssv  | Họ và Tên       | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc | NV 1 | Khu vực | Mã Đối tượng U.T | Điểm TBC | Điểm KV | Điểm U.T | Điểm xét tuyển | Nghề trúng tuyển | Trình độ đào tạo |          |
|----|----------|-----------------|-----------|------------|------------|---------|------|---------|------------------|----------|---------|----------|----------------|------------------|------------------|----------|
| 1  | CB250027 | Lê Xuân         | An        | 01/05/2005 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV2-NT           | 00       | 6.6     | 0.5      | 0              | 7.10             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 2  | CB250207 | Tài Đại         | Astrô     | 19/03/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 8.0     | 0.75     | 2              | 10.75            | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 3  | CB250133 | Phú Văn         | Chu       | 23/12/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 6.8     | 0.75     | 2              | 9.56             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 4  | CB250118 | Huỳnh Hải       | Đặng      | 21/12/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV2              | 00       | 6.7     | 0.25     | 0              | 6.95             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 5  | CB250165 | Não Minh        | Diệp      | 05/06/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 6.0     | 0.75     | 2              | 8.79             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 6  | CB250110 | Trương Văn Huy  | Đinh      | 31/12/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 7.3     | 0.75     | 2              | 10.05            | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 7  | CB250141 | Thuận Kinh      | Doanh     | 19/05/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV1              | 00       | 7.0     | 0.75     | 0              | 7.75             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 8  | CB250036 | Châu Minh       | Đức       | 25/09/2006 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 7.3     | 0.75     | 2              | 10.05            | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 9  | CB250109 | Nguyễn Hữu      | Đức       | 06/10/2006 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV2              | 00       | 6.8     | 0.25     | 0              | 7.05             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 10 | CB250003 | Nguyễn Công     | Hạ        | 26/06/2004 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV1              | 00       | 7.3     | 0.75     | 0              | 8.05             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 11 | CB250163 | Hán Ngọc        | Hào       | 08/03/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 6.7     | 0.75     | 2              | 9.49             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 12 | CB250035 | Trương Minh     | Hậu       | 12/04/2006 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV1              | 00       | 6.3     | 0.75     | 0              | 7.05             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 13 | CB250092 | Lưu Chánh       | Hiệp      | 11/08/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 6.4     | 0.75     | 2              | 9.14             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 14 | CB250061 | Mã Huy          | Hiếu      | 12/08/2000 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 6.4     | 0.75     | 2              | 9.15             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 15 | CB250136 | Lê Diệp Anh     | Hòa       | 13/03/2006 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV1              | 00       | 7.5     | 0.75     | 0              | 8.25             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 16 | CB250164 | Lưu Gia         | Huy       | 13/03/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 6.1     | 0.75     | 2              | 8.85             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 17 | CB250183 | Trần Duy        | Khang     | 31/12/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV1              | 00       | 6.7     | 0.75     | 0              | 7.47             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 18 | CB250191 | Đinh Nguyễn Gia | Khang     | 22/02/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV1              | 00       | 6.7     | 0.75     | 0              | 7.45             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 19 | CB250139 | Nguyễn Võ Hữu   | Khang     | 21/01/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV1              | 00       | 6.6     | 0.75     | 0              | 7.38             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 20 | CB250046 | Trần Bảo        | Khanh     | 31/03/2006 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV2              | 00       | 7.0     | 0.25     | 0              | 7.25             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 21 | CB250166 | Hán Anh         | Khoa      | 24/10/2004 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 6.4     | 0.75     | 2              | 9.15             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 22 | CB250043 | Thành Đăng      | Khoa      | 18/11/2006 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 5.6     | 0.75     | 2              | 8.35             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 23 | CB250192 | Hoàng Anh       | Khoa      | 12/7/2007  | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV2              | 00       | 6.9     | 0.25     | 0              | 7.15             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 24 | CB250137 | Lê Huỳnh Đăng   | Khôi      | 21/09/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV2              | 00       | 6.6     | 0.25     | 0              | 6.89             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 25 | CB250211 | Trần Đăng       | Khôi      | 01/10/2006 | Phú Yên    | Nam     | Kinh | DCN     | KV1              | 00       | 5.9     | 0.75     | 0              | 6.65             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 26 | CB250198 | Đàng Quốc       | Kiệt      | 20/08/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 6.0     | 0.75     | 2              | 8.79             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 27 | CB250030 | Nguyễn Tuấn     | Kiệt      | 23/07/2006 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV1              | 00       | 7.7     | 0.75     | 0              | 8.45             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 28 | CB250081 | Phạm Hoàng      | Kim       | 11/11/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh | DCN     | KV2-NT           | 00       | 8.0     | 0.5      | 0              | 8.50             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 29 | CB250205 | Đàng Thanh      | Liêm      | 18/03/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 7.1     | 0.75     | 2              | 9.85             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 30 | CB250094 | Quảng Thành     | Lộc       | 04/10/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm | DCN     | KV1              | 04       | 7.0     | 0.75     | 2              | 9.75             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |

| TT | Mã hssv  | Họ và Tên        | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc | NV 1    | Khu vực | Mã Đối tượng U.T | Điểm TBC | Điểm KV | Điểm U.T | Điểm xét tuyển | Nghề trúng tuyển | Trình độ đào tạo |          |
|----|----------|------------------|-----------|------------|------------|---------|---------|---------|------------------|----------|---------|----------|----------------|------------------|------------------|----------|
| 31 | CD250070 | Lê Hùng          | Luân      | 25/07/1997 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 6.0     | 0.75     | 0              | 6.75             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 32 | CD250023 | Võ Đức           | Luân      | 14/05/2002 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV2              | 00       | 6.4     | 0.25     | 0              | 6.65             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 33 | CD250114 | Đỗ Thành Ngọc    | Lực       | 27/5/2006  | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV2              | 00       | 7.1     | 0.25     | 0              | 7.35             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 34 | CD250218 | Phạm Tấn         | Minh      | 03/06/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 7.1     | 0.75     | 0              | 7.85             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 35 | CD250134 | Lưu Đăng Tấn     | Ngọc      | 12/10/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 5.8     | 0.75     | 2              | 8.52             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 36 | CD250162 | Quảng Đăng Anh   | Nguyên    | 21/09/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 6.5     | 0.75     | 2              | 9.25             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 37 | CD250008 | Lê Thái          | Nguyên    | 15/11/2004 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV2              | 00       | 6.3     | 0.25     | 0              | 6.55             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 38 | CD250045 | Lê Thanh         | Nhân      | 13/03/2004 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 6.4     | 0.75     | 0              | 7.15             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 39 | CD250135 | Lâm Quang Long   | Nhật      | 05/06/2007 | Ninh Thuận | Nữ      | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 6.2     | 0.75     | 2              | 8.95             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 40 | CD250017 | Chamaléa         | Nhiên     | 02/02/2001 | Ninh Thuận | Nam     | Ra-glai | DCN     | KV1              | 04       | 7.9     | 0.75     | 2              | 10.65            | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 41 | CD250111 | Trương Thạch Chế | Pha       | 05/03/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 7.1     | 0.75     | 2              | 9.83             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 42 | CD250185 | Đặng Tấn         | Phát      | 01/03/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 6.7     | 0.75     | 2              | 9.45             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 43 | CD250158 | Sư Ngọc          | Phê       | 15/03/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 5.8     | 0.75     | 2              | 8.55             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 44 | CD250215 | Lê Quốc          | Phong     | 25/12/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV2              | 00       | 6.2     | 0.25     | 0              | 6.47             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 45 | CD250087 | Hồ Thiên         | Phú       | 07/09/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV2              | 00       | 5.5     | 0.25     | 0              | 5.74             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 46 | CD250019 | Taing Quan       | Phù       | 08/02/2003 | Ninh Thuận | Nam     | Ra-glai | DCN     | KV1              | 04       | 6.3     | 0.75     | 2              | 9.05             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 47 | CD250175 | Phan Cảnh        | Phúc      | 29/01/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 6.7     | 0.75     | 0              | 7.45             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 48 | CD250169 | Nguyễn Văn       | Phúc      | 10/10/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 5.9     | 0.75     | 0              | 6.65             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 49 | CD250014 | Nguyễn Ngọc      | Quang     | 12/11/2003 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 6.7     | 0.75     | 0              | 7.45             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 50 | CD250124 | Hán Bảo          | Quốc      | 20/11/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 7.3     | 0.75     | 2              | 10.05            | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 51 | CD250138 | Quảng Thế        | Sang      | 17/10/2006 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 6.4     | 0.75     | 2              | 9.19             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 52 | CD250048 | Nguyễn Thanh     | Sang      | 08/02/2004 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV2              | 00       | 6.4     | 0.25     | 0              | 6.65             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 53 | CD250016 | Nguyễn Thanh     | Sang      | 16/12/2003 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV2-NT           | 00       | 5.7     | 0.5      | 0              | 6.20             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 54 | CD250174 | Thành Văn        | Sư        | 10/11/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 7.1     | 0.75     | 2              | 9.85             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 55 | CD250161 | Đình Văn         | Tài       | 16/06/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 6.1     | 0.75     | 0              | 6.85             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 56 | CD250194 | Đặng Trương Duy  | Thái      | 24/12/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 6.6     | 0.75     | 2              | 9.35             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 57 | CD250024 | Trần Văn         | Thom      | 19/02/2004 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV2              | 00       | 7.3     | 0.25     | 0              | 7.55             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 58 | CD250102 | Phan Ngọc Anh    | Thông     | 22/05/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV2              | 00       | 7.1     | 0.25     | 0              | 7.39             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 59 | CD250093 | Đỗ Thiện         | Thuật     | 23/08/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 7.0     | 0.75     | 2              | 9.75             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 60 | CD250233 | Lưu Ngọc         | Thương    | 06/10/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 6.4     | 0.75     | 2              | 9.15             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 61 | CD250210 | Lê Ngọc          | Tiến      | 11/04/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 5.8     | 0.75     | 0              | 6.55             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 62 | CD250193 | Lê Văn           | Tình      | 04/6/2006  | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 6.7     | 0.75     | 0              | 7.45             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 63 | CD250038 | Châu Thị Minh    | Trúc      | 26/12/2003 | Ninh Thuận | Nữ      | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 6.9     | 0.75     | 2              | 9.65             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 64 | CD250212 | Danh Tuấn        | Tú        | 22/03/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 6.5     | 0.75     | 2              | 9.25             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 65 | CD250224 | Huỳnh Ngọc       | Tứ        | 01/05/2006 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 6.8     | 0.75     | 0              | 7.55             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 66 | CD250229 | Hán Ngọc Duy     | Tuyền     | 02/05/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 6.7     | 0.75     | 2              | 9.45             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 67 | CD250123 | Lâm Tùng         | Viên      | 13/01/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Chăm    | DCN     | KV1              | 04       | 5.8     | 0.75     | 2              | 8.54             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |
| 68 | CD250148 | Nguyễn Thanh     | Vũ        | 28/05/2007 | Ninh Thuận | Nam     | Kinh    | DCN     | KV1              | 00       | 7.0     | 0.75     | 0              | 7.75             | Điện công nghiệp | Cao đẳng |

| TT | Mã hssv  | Họ và Tên     |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | NV 1 | Khu vực | Mã Đối tượng U.T | Điểm TBC | Điểm KV | Điểm U.T | Điểm xét tuyển | Nghề trúng tuyển | Trình độ đào tạo |
|----|----------|---------------|------|------------|------------|-----------|---------|------|---------|------------------|----------|---------|----------|----------------|------------------|------------------|
| 69 | CĐ250154 | Lưu Hoàng     | Vững | 24/04/2007 | Ninh Thuận | Nam       | Chăm    | DCN  | KV1     | 04               | 6.5      | 0.75    | 2        | 9.25           | Điện công nghiệp | Cao đẳng         |
| 70 | CĐ250047 | Nguyễn Tuấn Ý | Xen  | 11/03/2004 | Ninh Thuận | Nam       | Kinh    | DCN  | KV1     | 00               | 5.9      | 0.75    | 0        | 6.65           | Điện công nghiệp | Cao đẳng         |